TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HS-ST
Ngày: 25 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Nhữ Thật
Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Nguyên
Bà Đinh Thị Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Triều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*:* Ông Phan Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số 27/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 03 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-HS ngày 12/5/2026, đối với bị cáo:

Phạm Hữu T, sinh ngày 20/8/2001 tại xã B, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 052201004977; Nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; Trình độ học vấn: 7/12; con ông Phạm Hữu T1, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1978; Vợ: Phạm Thị Bích P, sinh năm 2002; con: có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Giao L, sinh năm 1970; (Đã chết)
Nơi cư trú: thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai.
Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Giao L: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn M, xã H, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Trần Kim H, sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*
1. Anh Huỳnh Hiếu N, sinh năm 2012; nơi cư trú: thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)
2. Bà Đặng Thị Tú T2, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)
3. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)
4. Anh Huỳnh Quốc C, sinh năm 2012; nơi cư trú: thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

5. Ông Trần Đ1, sinh năm 1945; nơi cư trú: thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

6. Anh Thao Phan Gia B, sinh năm 2011; nơi cư trú: thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

7. Anh Lê Tiến H1, sinh năm 2011; nơi cư trú: thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

- *Người đại diện cho người làm chứng Huỳnh Hiếu N, Thao Phan Gia B, Lê Tiến H1:* Ông Phan Thanh H2 - giáo viên tổng phụ trách đội trường THCS T4. (Vắng mặt)

- *Người đại diện cho người làm chứng Huỳnh Quốc C:* Bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 01/4/2025, Phạm Hữu T (có giấy phép lái xe mô tô hạng A1) điều khiển xe mô tô biển số 77H1 - 485.82 đi từ thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai đến chợ P1 thuộc xã T, tỉnh Gia Lai để ăn cơm cùng với gia đình. T điều khiển xe mô tô chạy trên đường bê tông đoạn qua thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai với tốc độ khoảng 55km/h trên phần đường bên phải theo hướng Nam sang B. Lúc này, T thấy phía trước cách khoảng 10 mét trên phần đường ngược chiều là xe đạp điện do Huỳnh Quốc C điều khiển chở Thao Phan Gia B, đồng thời C dùng chân phải đẩy xe đạp do Huỳnh Hiếu N điều khiển chở Lê Tiến H1 chạy hướng Bắc sang N. Chạy phía sau, cùng chiều với C là xe mô tô biển số 77H1 - 476.61 do bà Nguyễn Thị Giao L điều khiển đang vượt lên phía bên trái so với xe đạp điện do C điều khiển và chạy giữa đường. Thấy vậy, T nghĩ bà L điều khiển xe chạy sang phần đường bên phải theo hướng Nam sang B (phần đường xe mô tô do T điều khiển đang lưu thông) nên T điều khiển xe lấn sang phần đường bên trái theo hướng Nam sang B để né tránh. Lúc này, bà L điều khiển xe tránh về phía bên phải theo chiều đi của mình. Lúc này, Thông định điều khiển xe tránh về phía bên phải theo chiều đi để tránh nhưng do khoảng cách gần không làm chủ tốc độ, nên khi vừa đánh lái thì phía bên trái xe mô tô do T điều khiển đã va chạm vào phía bên trái xe mô tô do bà L điều khiển gây ra tai nạn giao thông.

Hậu quả: Bà Nguyễn Thị Giao L bị thương, cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B (nay là Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh G) đến ngày 08/4/2025 thì tử vong.

Dấu vết vụ tai nạn giao thông được mô tả tại biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản dựng lại hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản khám nghiệm phương tiện và bản ảnh có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản kết luận giám định tử thi số 112/KLGĐTT-PYBĐ ngày 16/4/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh B (nay là Trung tâm pháp y tỉnh G) kết luận: Nguyên nhân chết của bà Nguyễn Thị Giao L là: Chấn thương sọ não, dập não đã phẫu thuật điều trị không hồi phục.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 21/11/2025 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xã B, tỉnh Gia Lai kết luận: Tại thời điểm bị thiệt hại, thiệt hại do các bộ phận hư hỏng của xe mô tô biển số 77H1-476.61 là 3.631.000đ (Ba triệu sáu trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ:

- 01 (một) xe ô tô biển số 77H1-485.82, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với xe mô tô trên; đã trả lại cho chủ sở hữu là Phạm Hữu T;

- 01 (một) xe mô tô biển số 77H1-476.61, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với xe mô tô trên; đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Trần Kim H;

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số E, mang tên Phạm Hữu T.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Sau khi xảy ra tai nạn, Phạm Hữu T và gia đình đã bồi thường cho gia đình bị hại Nguyễn Thị Giao L số tiền 85.000.000 đồng, đã khắc phục sửa chữa đối với hư hỏng của xe mô tô biển số 77H1 - 476.61. Bị hại yêu cầu T tiếp tục bồi thường 155.000.000đ (240.000.000đ – 85.000.000đ).

Bản cáo trạng số 09/CT-VKSKV4 ngày 27/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai truy tố: Phạm Hữu T về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 155.000.000đ; bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Hữu T phạm tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Hữu T mức án từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- Về dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 591 của Bộ luật Dân sự, đề nghị công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại; buộc: Bị cáo Phạm Hữu T tiếp tục bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại Nguyễn Thị Giao L (người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thanh Đ) tổng cộng các khoản là 155.000.000đ, ngoài số tiền 85.000.000đ đã bồi thường trước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Trả lại cho bị cáo Phạm Hữu T 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số E, mang tên Phạm Hữu T (theo biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề ngày 01/4/2025 của Phòng C1 Công an tỉnh B – bút lục 173).

Đối với anh Trần Kim H là chủ sở hữu xe mô tô biển số 77H1-476.61, anh H không biết bà Nguyễn Thị Giao L lấy xe mô tô trên điều khiển tham gia giao thông

sau đó xảy ra tai nạn giao thông vào ngày 01/4/2025 nên không có căn cứ để xử lý về hành vi giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

Đối với bà Nguyễn Thị Giao L điều khiển xe mô tô biển số 77H1-476.61 tham gia giao thông khi chưa có giấy phép lái xe theo quy định, nhưng là lỗi hành chính, không phải nguyên nhân chính gây ra vụ tai nạn giao thông trên.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội cũng như đề nghị giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết ăn năn hối hận về hành vi sai trái của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và Điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện:

Vào khoảng 11 giờ 40 phút ngày 01/4/2025, tại đoạn đường bê tông thuộc thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai (là đoạn đường không phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt), Phạm Hữu T đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 77H1-485.82 đi theo hướng Nam sang B, với tốc độ khoảng 55km/h, khi phát hiện bà Nguyễn Thị Giao L điều khiển xe mô tô biển số 77H1-476.61 phía trước hướng ngược lại đang đi đến, T đã không kịp thời giảm tốc độ và không cho xe đi về bên phải theo chiều đi của mình mà tránh sang bên trái nên gây ra tai nạn giao thông làm bà L tử vong.

Hành vi của Phạm Hữu T đã vi phạm khoản 1 Điều 17 Luật trật tự, an toàn giao thông năm 2024, là nguyên nhân chính gây ra tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng làm một người chết. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: bị cáo Phạm Hữu T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Gia Lai truy tố bị cáo về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo Phạm Hữu T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi vô ý. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi của bị cáo gây ra.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã khắc phục bồi thường một phần hậu quả cho bị hại, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận chính quyền địa phương), đại diện hợp pháp của bị hại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu với lỗi vô ý, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 591 của Bộ luật Dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại; buộc: Bị cáo Phạm Hữu T tiếp tục bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại Nguyễn Thị Giao L (người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thanh Đ) tổng cộng các khoản là 155.000.000đ, ngoài số tiền 85.000.000đ đã bồi thường trước.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Phạm Hữu T 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số E, mang tên Phạm Hữu T (theo biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề ngày 01/4/2025 của Phòng C1 Công an tỉnh B - Bút lục số 173).

[7] Đối với anh Trần Kim H là chủ sở hữu xe mô tô biển số 77H1-476.61, anh H không biết bà Nguyễn Thị Giao L lấy xe mô tô trên điều khiển tham gia giao thông sau đó xảy ra tai nạn giao thông vào ngày 01/4/2025 nên không có căn cứ để xử lý về hành vi giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

Đối với bà Nguyễn Thị Giao L điều khiển xe mô tô biển số 77H1-476.61 tham gia giao thông khi chưa có giấy phép lái xe theo quy định, nhưng là lỗi hành chính, không phải nguyên nhân chính gây ra vụ tai nạn giao thông trên.

[8] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Phạm Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự là 7.750.000 đồng (155.000.000đ x 5%)

[9] Lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 4 – Gia Lai về tội danh và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 591 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/5/2026).

Giao bị cáo Phạm Hữu T cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Gia Lai quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Phạm Hữu T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về bồi thường thiệt hại: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại; buộc: Bị cáo Phạm Hữu T tiếp tục bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại Nguyễn Thị Giao L (người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thanh Đ) tổng cộng các khoản là 155.000.000đ (một trăm năm mươi lăm triệu đồng), ngoài số tiền 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng) đã bồi thường trước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Phạm Hữu T 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số E, mang tên Phạm Hữu T (theo biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề ngày 01/4/2025 của Phòng C1 Công an tỉnh B - Bút lục số 173).

5. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Hữu T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự: Bị cáo Phạm Hữu T phải nộp 7.750.000đ (bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 4 – Gia Lai;
- Phân trại Tạm giam Tây Sơn;
- Cơ quan THAHSCA tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 4 – Gia Lai;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Đương sự vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Nhữ Thật